Mẫu số 40-DS (ban hành theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2018/QĐST – HNGD	*T U, ngày 09 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 12/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc "Xin Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T - sinh năm 1983.
Địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.
Bị đơn: Anh Đặng Đình Th - sinh năm 1979.
Địa chỉ: Khu 26, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 12/2017/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2018, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đặng Đình Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T - sinh năm 1983.
Địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Đặng Đình Th- sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 26, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đặng Đình Th thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Hai bên thỏa thuận anh Đặng Đình Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Ngọc N - sinh ngày 08/03/ 2007 và cháu Đặng Đình T- sinh ngày 14/7/2008 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Đặng Đình Th không đặt vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai đề nghị Tòa án ghi nhận:

Anh Đặng Đình Th được quyền sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Aiblaede biển kiểm soát 25U1- 04945 và số tiền 18.000.000đ.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T được quyền sử dụng 01 tủ lạnh; 01 máy xay giò; 01 tủ bán hang; 01 xe đẩy hang và 01 bếp ga công nghiệp.

d. Về án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng, áp dụng Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đặng Đình Th mỗi người phải chịu một nửa là 75.000 đồng án phí DSST, chị Nguyễn Thị Ngọc T nhận nộp thay cho anh Đặng Đình Th số tiền 75.000đ án phí DSST. Xác nhận chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002563 ngày 04 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh L.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T được trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P, huyện T ;
- Lưu HS-TA.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Bình